

Quan hệ thương mại Việt Nam - Đài Loan trước và sau khi Việt Nam gia nhập WTO

Nguyễn Hữu Quý
Kiểm toán nhà nước

Sau nhiều năm kể từ khi Đài Loan và Việt Nam bắt đầu có sự giao lưu về kinh tế, thương mại, Đài Loan luôn được coi là một trong những đối tác quan trọng về thương mại và đầu tư của Việt Nam. Hiện nay, Đài Loan là đối tác thương mại lớn thứ 5 của Việt Nam. Xét riêng về nhập khẩu, Đài Loan là đối tác Việt Nam nhập khẩu lớn thứ 4, nhưng về xuất khẩu, Đài Loan mới chỉ là đối tác xuất khẩu lớn thứ 16 của Việt Nam. Chính vì vậy, để tăng cường quan hệ hợp tác thương mại giữa Việt Nam và Đài Loan, Chính phủ và các doanh nghiệp Việt Nam cần tận dụng những cơ hội đó, để xây dựng và triển khai chiến lược xuất nhập khẩu một cách bài bản và cụ thể.

1. Bối cảnh quan hệ thương mại Việt Nam - Đài Loan

Thứ nhất, sự phát triển mạnh mẽ của kinh tế Đài Loan từ những năm 1980 là nhân tố quan trọng, làm cơ sở cho sự phát triển hợp tác thương mại với bên ngoài, trong đó có Việt Nam. Đài Loan cùng với Nhật Bản, Trung Quốc lục địa, Hàn Quốc, Hongkong và Xingapo là những đầu tàu kinh tế ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Năm 1994, Đài Loan đưa ra "Phương hướng tăng cường hợp tác kinh tế và thương mại với Đông Nam Á", còn được gọi là chính sách "Hương Nam". Tiếp đó, với kế hoạch "Thách thức năm 2008" kêu gọi các nhà đầu tư trong nước nâng cao khả năng cạnh tranh quốc tế của Đài Loan, chương trình này có mục tiêu là cải thiện toàn bộ các ngành kết cấu hạ tầng cũng như dịch vụ của Đài Loan. Điều này có nghĩa là tăng cường khuyến khích các doanh nghiệp đẩy nhanh chính sách "Hương Nam", góp phần tạo nên "làn sóng" đầu tư và thương mại ở khu vực.

Thứ hai, những biến động mạnh mẽ của tình hình thế giới trong những năm cuối thế kỷ XX có tác động mạnh mẽ đến quan hệ thương mại Đài Loan - Việt Nam. Đó là: i) Sự gia tăng mạnh mẽ của thương mại toàn cầu và đi kèm với nó là xu hướng bảo hộ mậu dịch của các khu vực. ii) Việt Nam luôn nhất quán với chính sách "Một nước Trung Quốc" và duy trì các mối hợp tác không chính thức với Đài Loan, đặc biệt là trong lĩnh vực kinh tế. iii) Việc Việt Nam chính thức gia nhập WTO đã tạo ra cơ hội lớn cho sự phát triển hợp tác thương mại giữa hai bên. Trong con mắt của các chính quyền và doanh nghiệp Đài Loan, Việt Nam là một thị trường rất gần gũi.

Thứ ba, sau khi thắng cử chính quyền mới tại Đài Loan của bà Thái Anh Văn đã ra "chính sách Hương Nam mới" trong nỗ lực chuyển đổi mô hình kinh tế của Đài Loan, nhằm đa dạng hóa quan hệ kinh tế đối

ngoại trong tình hình kinh tế Đài Loan những năm qua quá phụ thuộc vào kinh tế Trung Quốc và cùng với điều đó là phụ thuộc về chính trị. Việc chính phủ bà Thái Anh Văn thêm chữ "mới" vào tên gọi của chính sách này cho thấy mối quan tâm mới đối với phát triển quan hệ kinh tế với các nước ASEAN và 6 nước Nam Á, đặc biệt là Việt Nam.

2. Trao đổi hàng hóa Việt Nam - Đài Loan từ 2002 đến nay

2.1. Giai đoạn trước khi Việt Nam gia nhập WTO (2002 - 2007)

Năm 2002, Đài Loan cùng với Trung Quốc chính thức trở thành thành viên thứ 144 của WTO. Tuy nhiên, xét trên khía cạnh tích cực, điều này không có tác động nhiều tới trao đổi mậu dịch của Việt Nam với Đài Loan vì trong thời điểm này, Việt Nam chưa là thành viên của WTO.

- Về kim ngạch xuất nhập khẩu: Trong giai đoạn 2002 - 2007, kim ngạch mậu dịch Việt Nam - Đài Loan có chiều hướng tăng và tương đối ổn định qua các năm. (Bảng 1)

Bảng 1. Kim ngạch xuất nhập khẩu hai chiều Việt Nam - Đài Loan (2002-2007)

| Năm | 2002 | 2003 | 2004 | 2005 | 2006 | 2007 |
|---------------------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|
| Kim ngạch xuất khẩu | 817,7 | 749,2 | 890,6 | 935 | 968,7 | 1139,4 |
| Kim ngạch nhập khẩu | 2525,3 | 2915,5 | 3698,3 | 4304,7 | 4824,9 | 6946,7 |
| Tổng kim ngạch XNK | 3343 | 3664,7 | 4588,9 | 5239,2 | 5793,6 | 8086,1 |
| Nhập siêu | -1708 | -2166 | -2803 | -3369 | -3856 | -5807 |

Nguồn: Tổng cục Hải quan Việt Nam, 2004 - 2008

Từ bảng số liệu trên cho thấy, cùng với sự tăng trưởng của kim ngạch xuất khẩu, kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam từ Đài Loan lại tăng nhanh hơn, dẫn đến nhập siêu của Việt Nam từ Đài Loan cũng tăng nhanh qua các năm. Điều này phản ánh một thực trạng là hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam trong thời kỳ này chưa thâm nhập sâu vào thị trường Đài Loan.

Nguyên nhân nhập siêu của Việt Nam với Đài Loan trong giai đoạn này là do hàng hóa Việt Nam chưa có sức cạnh tranh trên thị trường nước này. Tính đến 2006, Đài Loan gia nhập WTO đã được 4 năm, trong khi đó, đến 2007, Việt Nam mới chính thức gia nhập WTO. Do đó, trong thời kỳ này, hàng hóa của Việt Nam chưa được hưởng lợi khi Đài Loan thực hiện cam kết tự do hóa thương mại. Trong khi đó, Việt Nam lại cần nhập khẩu nhiều các thiết bị, công nghệ.

- *Về cơ cấu mặt hàng xuất nhập khẩu:* Trong giai đoạn từ 2002 - 2007, nhóm mặt hàng nông lâm thủy hải sản và nhóm mặt hàng nguyên nhiên liệu và khoáng sản là nhóm chiếm tỷ trọng lớn và là các mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam. Do có sự chênh lệch về trình độ phát triển kinh tế nên cơ cấu hàng hóa trao đổi giữa Việt Nam và Đài Loan khá khác biệt và mang tính bổ sung cao. Các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam sang Đài Loan là các mặt hàng như điện thoại các loại và linh kiện, hàng dệt may, nông lâm thủy sản, cao su, máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác, giấy và các sản phẩm từ giấy, gỗ và sản phẩm gỗ, giấy dếp các loại, sản phẩm gốm sứ, máy vi tính và sản phẩm điện tử, linh kiện... với hàm lượng giá trị xuất khẩu thấp.

2.2. Trao đổi hàng hóa Việt Nam — Đài Loan, sau khi Việt Nam gia nhập WTO (2008 -2019)

- *Về kim ngạch xuất nhập khẩu:* Kể từ khi Đài Loan và Việt Nam thiết lập quan hệ kinh tế, thương mại, Đài Loan luôn được coi là một trong những đối tác quan trọng về thương mại và đầu tư của Việt Nam. Thống kê dưới đây cho thấy sự thiếu cân bằng trong cán cân thương mại giữa hai bên, đồng thời đặt ra vấn đề cần phải chú trọng đến việc đẩy mạnh xuất khẩu, để khai thác thị trường đầy tiềm năng này, Việt Nam mới có thể cải thiện được tình trạng nhập siêu với Đài Loan. (Bảng 2)

Bảng 2. Kim ngạch XNK hai chiều Việt Nam - Đài Loan 2008 - 2019

| Năm | Đơn vị: Tỉ USD | | | Cán cân xuất nhập khẩu |
|------|---------------------|---------------------|--------------------|------------------------|
| | Kim ngạch xuất khẩu | Kim ngạch nhập khẩu | Tổng kim ngạch XNK | |
| 2008 | 1,4 | 8,36 | 9,76 | -6,96 |
| 2009 | 1,12 | 6,11 | 7,23 | -4,99 |
| 2010 | 1,44 | 6,98 | 8,42 | -4,54 |
| 2011 | 1,84 | 6,38 | 9,22 | -4,53 |
| 2012 | 2,29 | 8,43 | 10,72 | -5,59 |
| 2013 | 2,62 | 8,92 | 11,54 | -6,30 |
| 2014 | 2,56 | 9,98 | 12,54 | -7,42 |
| 2015 | 2,08 | 10,99 | 13,07 | -8,19 |
| 2016 | 2,27 | 11,24 | 13,51 | -8,97 |
| 2017 | 2,57 | 12,71 | 15,28 | -9,14 |
| 2018 | 3,71 | 10,70 | 14,41 | -7,29 |
| 2019 | 5,28 | 10,73 | 16,01 | -5,45 |

Nguồn: Tổng cục Hải Quan Việt Nam, 2020

Từ bảng trên cho thấy, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam với Đài Loan năm 2008 có sự tăng trưởng cao (tăng hơn 1,7 tỷ USD so với năm 2007). Tuy nhiên năm 2009 lại bị giảm sút nghiêm trọng (giảm khoảng 2,5 tỷ USD so với 2008) do tác động của cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu. Các năm tiếp theo, từ năm 2010 -2019 với sự phục hồi của các nền kinh tế,

kim ngạch trao đổi thương mại giữa các nước, trong đó có trao đổi thương mại Việt Nam — Đài Loan bắt đầu tăng dần. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu vẫn tăng chậm hơn so với kim ngạch nhập khẩu, dẫn đến nhập siêu của Việt Nam với Đài Loan vẫn tăng qua các năm.

Nhập siêu kéo dài của Việt Nam từ Đài Loan trong thời gian qua, là từ một số nguyên nhân chính sau đây:

Thứ nhất, hiện có nhiều doanh nghiệp FDI của Đài Loan đang hoạt động kinh doanh ở Việt Nam và đa phần là các doanh nghiệp gia công chế biến xuất khẩu. Chính vì vậy, nhu cầu nhập khẩu các nguyên phụ liệu cho gia công xuất khẩu là rất lớn.

Thứ hai, Việt Nam trong thời gian qua chủ yếu là xuất khẩu các sản phẩm nông, lâm, hải sản, nguyên liệu thô và một số mặt hàng gia công chế biến như giày dép, may mặc, đồ gỗ, linh kiện điện tử, v.v.. Ngược lại, Việt Nam vẫn tiếp tục nhập khẩu một khối lượng lớn nguyên phụ liệu cho các doanh nghiệp gia công chế biến cũng nhiều chủng loại phụ trợ, máy móc cơ khí, điện tử, ô tô và xe máy, v.v..

Thứ ba, Việt Nam chưa thể tạo lập và hình thành được những mạng lưới phân phối đủ mạnh có hệ thống và có thương hiệu ở thị trường Đài Loan; chưa nắm bắt được thị hiếu tiêu dùng của người dân Đài Loan như các doanh nhân Đài Loan đã nắm bắt ở thị trường Việt Nam. Bên cạnh đó, Việt Nam là một thị trường "đề tinh" cho nên hàng hoá của Đài Loan khi nhập vào Việt Nam được đề đàng chấp nhận hơn nhiều so với chiều ngược lại.

Thứ tư, hàng hóa của Việt Nam khi xâm nhập vào thị trường Đài Loan gặp phải trở ngại lớn từ một đối thủ khổng lồ Trung Quốc. Họ không chỉ thuận lợi hơn Việt Nam về giao thông vận tải, mà còn về cả quy mô, chủng loại, đặc biệt là về giá cả cũng đều vượt trội so với hàng hoá của Việt Nam. Đây là một thực tế trong cuộc cạnh tranh không khoan nhượng của "lưuật chơi" thị trường tự do. Giải quyết được các vấn đề này không thể một sớm một chiều.

- *Về cơ cấu mặt hàng xuất nhập khẩu:* Trong những năm 2008 - 2010 cơ cấu mặt hàng xuất, nhập khẩu Việt Nam — Đài Loan chưa có nhiều thay đổi. Tuy nhiên kể từ cuối 2011 đến nay, cơ cấu xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang Đài Loan đã có những chuyển biến tích cực theo hướng bền vững hơn. Tỷ trọng nhóm mặt hàng nguyên nhiên liệu và khoáng sản thô xuất khẩu giảm dần và nhóm mặt hàng công nghiệp chế biến và nhóm mặt hàng nông lâm thủy sản đã dần trở thành nhóm hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam sang Đài Loan. Theo số liệu của Trung tâm thông tin, Bộ Công thương Việt Nam, so với giai đoạn trước khi Việt Nam gia nhập WTO, tỷ trọng nhóm hàng nông, lâm, thủy sản trong tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam tăng từ 18% lên 20%. So sánh tương tự, nhóm nguyên liệu và khoáng sản giảm từ 0,99% xuống còn 0,3%, trong khi nhóm hàng công nghiệp chế biến

lãng từ từ 35,28% lên chiếm tới 41,5% tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam với Đài Loan.

Mặt khác, do có sự chênh lệch về trình độ phát triển, đặc biệt trong lĩnh vực khoa học công nghệ, kinh tế tái yếu dẫn đến sự không tương đồng về hàng hoá xuất nhập khẩu, nên cơ cấu hàng hóa trao đổi giữa Việt Nam và Đài Loan khá khác biệt và mang tính bổ sung cao.

Về xuất khẩu: các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam sang Đài Loan là những sản phẩm mà Việt Nam có lợi thế như: các loại tài nguyên khoáng sản trong tự nhiên, lực lượng lao động, diện thoại các loại và linh kiện, hàng dệt may, nông lâm thủy sản, cao su, máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác, giấy và các sản phẩm từ giấy, gỗ và sản phẩm gỗ, giấy dếp các loại, sản phẩm gốm sứ, máy vi tính và sản phẩm điện tử, linh kiện...với hàm lượng giá trị xuất khẩu thấp.

3. Một số giải pháp nhằm thúc đẩy hợp tác thương mại Việt - Đài thời gian tới

Để thúc đẩy quan hệ thương mại giữa Việt Nam và Đài Loan, trong đó chú trọng đến việc đẩy mạnh xuất khẩu, Chính phủ và các doanh nghiệp Việt Nam cần triển khai thực hiện các giải pháp sau:

Thứ nhất, hai bên cần có những thỏa thuận để tháo gỡ những rào cản về kỹ thuật, để tăng xuất khẩu các mặt hàng của Việt Nam sang Đài Loan bởi Đài Loan vẫn đang là thị trường nhiều tiềm năng đối với các doanh nghiệp Việt Nam, do những lợi thế như: hàng hóa Việt Nam đang được người tiêu dùng Đài Loan ưa chuộng, trong đó nông sản phẩm như cà phê, chè, rau, gạo... giá rất cạnh tranh. Chính vì vậy, một mặt, Việt Nam cần có định hướng phát triển cả về số lượng và chất lượng các mặt hàng này. Bên cạnh đó, các mặt hàng điện tử, viễn thông xuất khẩu sang Đài Loan tăng, bởi các doanh nghiệp Đài Loan đầu tư vào Việt Nam nhập trở lại Đài Loan để họ lắp ráp, xuất khẩu đi các nước.

Thứ hai, như trên đã phân tích, kim ngạch thương mại hai chiều giữa Việt Nam và Đài Loan từ năm 2009 đến nay (2019) liên tục tăng với tốc độ bình quân 10,4%/năm. Tuy nhiên, để có thể tiếp tục thúc đẩy hợp tác thương mại giữa hai nước, cần có những cơ chế, chính sách phù hợp để thúc đẩy hợp tác thương mại giữa hai nước. Trong đó, cần có những cơ chế, chính sách ưu đãi để thu hút các doanh nghiệp Việt Nam đầu tư vào Đài Loan, đặc biệt là các doanh nghiệp sản xuất hàng hóa. Đồng thời, cần có những cơ chế, chính sách để thu hút các doanh nghiệp Đài Loan đầu tư vào Việt Nam, đặc biệt là các doanh nghiệp sản xuất hàng hóa. Ngoài ra, cần có những cơ chế, chính sách để thu hút các doanh nghiệp Việt Nam đầu tư vào Đài Loan, đặc biệt là các doanh nghiệp sản xuất hàng hóa.

Thứ ba, cần có những cơ chế, chính sách để thu hút các doanh nghiệp Việt Nam đầu tư vào Đài Loan, đặc biệt là các doanh nghiệp sản xuất hàng hóa. Đồng thời, cần có những cơ chế, chính sách để thu hút các doanh nghiệp Đài Loan đầu tư vào Việt Nam, đặc biệt là các doanh nghiệp sản xuất hàng hóa. Ngoài ra, cần có những cơ chế, chính sách để thu hút các doanh nghiệp Việt Nam đầu tư vào Đài Loan, đặc biệt là các doanh nghiệp sản xuất hàng hóa.

chuẩn, quy định khắt khe và thường xuyên được điều chỉnh về an toàn vệ sinh thực phẩm, kiểm nghiệm kiểm dịch đối với hàng nông lâm thủy sản nhập khẩu, gây không ít khó khăn cho các mặt hàng nông sản xuất khẩu của Việt Nam. Hàng hóa luôn phải đảm bảo chất lượng, đầy đủ các chứng từ, chứng chỉ liên quan như C/O, giấy chứng nhận kiểm dịch, xác định dư lượng hóa chất trong sản phẩm liên quan đến nông nghiệp. Do đó, các doanh nghiệp Việt Nam cần nhận thức rõ điều này, luôn đảm bảo yêu cầu về chất lượng và vệ sinh an toàn đối với sản phẩm xuất khẩu.

Thứ tư, Chính phủ Việt Nam cần có những chính sách thích hợp để đẩy mạnh công nghiệp chế biến trong nước như đã đề cập ở trên để có thể cạnh tranh với hàng hóa của các nước khác đang có mặt trên thị trường Đài Loan. Việt Nam nên tận dụng cơ hội từ việc Đài Loan đang đẩy mạnh "Chính sách hướng Nam mới" như: Mở rộng hợp tác song phương; Tạo điều kiện cho đầu tư song phương; Tăng cường và liên kết các thành tựu công nghiệp... để thu hút và hợp tác đầu tư với Đài Loan nhằm gia tăng chất lượng sản phẩm xuất khẩu sang thị trường Đài Loan.

4. Kết luận

Cơ hội mới trong quan hệ thương mại với Đài Loan luôn rộng mở đối với Việt Nam, song đi kèm với cơ hội là không ít thách thức. Đó là tình cụ luật, đặc biệt trong hợp tác trao đổi thương mại quốc tế ngày nay. Tuy nhiên, chủ động nhận thức được tính tất yếu sẽ giúp cho Chính phủ và các doanh nghiệp Việt Nam cần chủ động trong việc nghiên cứu, nắm chắc tình hình thị trường Đài Loan, cũng như có kế hoạch cụ thể để đẩy mạnh xuất khẩu hàng hóa sang thị trường này, góp phần thúc đẩy và mở rộng hợp tác trao đổi mậu dịch Việt Nam - Đài Loan trong thời gian tới./

Tài liệu tham khảo

- Vân Ngọc Thành (2011), Quan hệ thương mại Việt Nam - Đài Loan từ 1990 -2010, Hội thảo quốc tế: Việt Nam, ASEAN, Đài Loan: Quan hệ song phương, Huế.
- CIA, The World Factbook (2019), The following countries and entities recently had their maps updated: Albania, Austria, Bulgaria, Germany, Greece, Jordan, Kazakhstan, Kosovo, Kuwait, Micronesia, Palau, Poland, Serbia, Slovakia, Syria, Taiwan, and the European Union, <https://www.cia.gov/library/publications/the-worldfactbook/geos/tw.html>
- Vũ Hải Yến (2016), Hồ sơ thị trường Đài Loan, Ban Quan hệ quốc tế VCCI.
- Nguyễn Thanh (2019), "Chính sách hướng Nam mới" được thúc đẩy mạnh mẽ, <http://www.vccinews.vn/news/25906/%E2%80%99Cchi-nh-sach-huong-nam-moi%E2%80%99D-duoc-thuc-day-manh-me.html>